

Số: 330/2021/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Xét Tờ trình số 1569/TTr-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh và Điều 1 Nghị quyết số 276/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 155/BC-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh như sau:

“2. Hỗ trợ đối với người nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay:

a) Đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 5 Điều 2 Nghị quyết này nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ Luật Lao động hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ Luật Lao động, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, còn được tính hỗ trợ: 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại khoản 3 Điều 169 Bộ Luật Lao động; 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp  $\frac{1}{2}$  tháng tiền lương.

b) Đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 5 Điều 2 Nghị quyết này nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ Luật Lao động hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ Luật Lao động, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, còn được tính hỗ trợ: 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ Luật Lao động; 05 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp  $\frac{1}{2}$  tháng tiền lương.

c) Đối tượng quy định tại các khoản 3, 5 Điều 2 Nghị quyết này nếu có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ Luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ Luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, nếu thôi việc ngay thì ngoài việc được hưởng trợ cấp thôi việc ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số

108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, còn được tính hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.”

**Điều 2.** Sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 276/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh như sau:

“Điều 1. Sửa đổi khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; sắp xếp thôn, bản, khu phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, như sau:

8. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021”.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2021. / *h*

**Nơi nhận:**

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, PC3.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Kỳ**